

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Diệp Thị Thu Nguyệt**;
2. Ông **Nguyễn Thành Phước**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/10/2022 về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đương Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1973

HKTT: Ấp Hòa Thới, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Tạm trú: 3B/2, tổ 2, khu phố Khánh Long, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Quyên, tỉnh Bình Dương. Số điện thoại: 0889913083

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp Hòa Thới, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0398249124

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Dương Thị Ngọc Đ trình bày:

Chị Dương Thị Ngọc Đ với anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích A, sinh ngày 22/8/1992. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2006, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, anh T thường xuyên uống rượu, không lo cho kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích A, sinh ngày 22/8/1992, con chung đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của anh T.

Tại phiên tòa: Chị Dương Thị Ngọc Đ vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Dương Thị Ngọc Đ và Nguyễn Văn T. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Bích A, sinh ngày 22/8/1992 đã trưởng thành, chị Đ không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không xem xét. Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị Ngọc Đ khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T, tuy nhiên chị Đ trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa Thới, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Dương Thị Ngọc Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định chị Đ và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, chị Đ và anh T không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện qua việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay.

Xét thấy, chị Đ và anh T là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của chị Đ và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ mà giải quyết không công nhận chị Đ và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị Đ và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích A, sinh ngày 22/8/1992. Hiện nay cháu A đã trưởng thành, tự lao động được, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận Chị Dương Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Con chung tên Nguyễn Thị Bích A, sinh ngày 22/8/1992 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị Ngọc Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì Chị Dương Thị Ngọc Đ và Nguyễn Văn T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0011276 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Định Thành, Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên